

Số: 552 /QĐ-UBND

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3675/QĐ-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh “V/v thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý và phát triển bền vững NTTS trên biển tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Công văn số 3371/UBND-KT ngày 11/8/2023 của UBND thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Phương án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 làm cơ sở giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định;

Căn cứ Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 về việc Phê duyệt Đề cương - Dự toán nhiệm vụ: Xây dựng Phương án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 5157/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND

thành phố Cẩm Phả về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Xây dựng phương án Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế thành phố tại Tờ trình số 42 /TTr-KT ngày 23 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn 2045 với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành phố Cẩm Phả trở thành một ngành sản xuất hàng hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao, hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; tạo ra sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường tại địa phương, trong nước và xuất khẩu; phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển gắn kết với sự phát triển với các ngành kinh tế khác (du lịch, dịch vụ, khách sạn nhà hàng, khai thác hải sản...) giải quyết một số các vấn đề xã hội như tạo việc làm cho người dân, cải thiện điều kiện kinh tế xã hội, nâng cao thu nhập và tạo sinh kế bền vững cho người dân ven biển và đồng thời góp phần tham gia bảo vệ an ninh, quốc phòng trên biển.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Các lồng bè nuôi cá, các khu vực nuôi nhuyễn thể, rong biển được cấp phép, đăng ký theo quy định.

- Diện tích nuôi biển hàng năm đạt 450 ha đối với nhuyễn thể, sản lượng đạt; Sản lượng đạt trên 13.500 tấn nhuyễn thể, giá trị ước tính đạt 340 tỷ đồng. Nuôi cá biển trong lồng đạt 660.000 m³ ô lồng (230 cơ sở nuôi), sản lượng đạt 6.900 tấn cá, giá trị đạt 1.035 tỷ đồng.

- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho khoảng 1.500 lao động tham gia vào ngành nuôi biển.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất: khu tập kết thu gom rác thải từ nuôi trồng hải sản, phao tiêu, cột mốc phân luồng lạch cho các vùng nuôi trồng thủy sản.

- Sắp xếp lại ngành nuôi trồng thủy sản trên biển phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên và thế mạnh của từng phường với quy hoạch tổng thể của thành phố Cẩm Phả, của tỉnh Quảng Ninh và của ngành thủy sản Việt Nam.

- Xác định và phát triển các đối tượng nuôi chủ lực của địa phương như nhóm cá biển: Cá song, cá chim vây vàng, cá sủi đất, cá giò; nhóm nhuyễn thể

như: hàu, ngao hai cùi, thung và một số loài đặc sản của địa phương như tu hài, ốc vôi...

2.2. Mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn 2045

- Diện tích nuôi biển hàng năm đạt 550 ha đối với nhuyễn thể, sản lượng đạt 16.700, giá trị ước tính đạt 420 tỷ đồng. Nuôi cá biển trong lồng đạt 770.000 m³ (270 cơ sở nuôi), sản lượng đạt 9.720 tấn cá, giá trị đạt 1.458 tỷ đồng/năm.

- 100% số hộ nuôi lồng bè được đăng ký theo quy định và áp dụng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Xây dựng, hình thành và vận hành một số các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị có hiệu quả và bền vững.

- 100% rác thải từ các hoạt động nuôi trồng thủy sản được thu gom, xử lý theo quy định.

- Phát triển được các mô hình nuôi biển gắn kết với sự phát triển của các ngành thương mại dịch vụ khác đặc biệt là khách sạn, nhà hàng và du lịch; đồng thời khuyến khích phát triển kinh tế tổ hợp tác, hợp tác xã trong lĩnh vực nuôi biển.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý nuôi trồng thủy sản, vùng nuôi an toàn bằng công nghệ thông tin.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Sắp xếp các khu vực biển

- Sắp xếp lại vùng nuôi, khu vực nuôi các loài, sắp xếp lại vị trí đặt lồng bè cho các hộ nuôi trên biển đảm bảo tính khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện tự nhiên, phù hợp với nhu cầu của các hộ gia đình. Tổ chức, sắp xếp lại các vùng nuôi, diện tích bè nuôi đảm bảo yếu tố sức tải của môi trường, phòng tránh dịch bệnh, đảm bảo an toàn giao thông trong nội vùng, nâng cao năng suất và chất lượng hải sản nuôi. Diện tích lồng, bè nuôi nên được bố trí không vượt quá 6% diện tích tổng thể có tiềm năng nuôi cá và không quá 25 - 30% tổng diện tích tiềm năng nuôi nhuyễn thể.

- Phát triển dựa trên chất lượng, hiệu quả kinh tế, bền vững và đảm bảo cảnh quan môi trường. Để đạt được mục tiêu này thì việc tuân thủ quy hoạch, vùng nuôi, diện tích và mật độ (diện tích mặt nước sử dụng cho bè nuôi) là rất cần thiết. Bên cạnh đó, phát triển các cơ sở chế biến tiêu thụ nội địa, kênh phân phối gắn với sản phẩm lợi thế của địa phương.

- Xây dựng một số mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch và dịch vụ (câu cá biển giải trí, gian hàng giới thiệu sản phẩm). Bên cạnh đó, khuyến khích phát triển mô hình hợp tác xã qua đó nâng cao hình ảnh, thương hiệu các sản phẩm thủy sản, giảm được các chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Đề xuất chia khu vực biển thành 21 khu vực nuôi, với tổng diện tích là 2.476,1 ha, trong đó khu vực nuôi nhuyễn thể là 4 khu vực với tổng diện tích 317,95 ha; khu vực nuôi nhuyễn thể thu hút đầu tư là 07 khu vực với tổng diện

tích 1.133,35 ha; khu vực nuôi cá biển, nhuyễn thể là 04 khu vực với tổng diện tích 345,7 ha; khu vực nuôi cá biển, nhuyễn thể thu hút đầu tư là 01 khu vực với diện tích 110,5 ha; khu vực nuôi cá biển, nhuyễn thể kết hợp du lịch trải nghiệm là 03 khu vực với tổng diện tích 379 ha; khu vực nuôi cá biển, nhuyễn thể kết hợp du lịch trải nghiệm thu hút đầu tư là 02 khu vực với tổng diện tích 189,6 ha. Các vị trí có đảo che chắn, ít ảnh hưởng bởi nguồn nước thải gần bờ, nước biển sạch như các khu vực Cẩm Trung-2, Cẩm Thành-2, Cẩm Thành-3, Cẩm Thành-4, Cẩm Bình-1, Cẩm Bình-2, Cẩm Bình-3 có thể kết hợp nuôi rong biển.

2. Đối tượng nuôi theo khu vực

2.1. Đối tượng nuôi chính

- Cá biển: Cá song, chim vây vàng, cá giò, cá tráp vây vàng, cá vược.
- Nhuyễn thể: Hàu sữa, ngao hai cùi, thung, tu hài.
- Rong biển: Thử nghiệm nuôi rong sụn và một số loài rong có hiệu quả kinh tế cao.

2.2. Về mật độ nuôi

- Đối với nuôi Hàu: Đối với nuôi hàu 1 ha diện tích nên thả 2.400 – 3.200m² mặt nước - tương đương 24 - 32% diện tích mặt nước giao.
- Đối với nuôi cá biển: Đối với đối tượng nuôi là cá Chim vây vàng hay cá Song; sử dụng thức ăn công nghiệp, cá tạp; với hệ số bền vững cho vùng nuôi là 0,5 hoặc 0,8 tương ứng với 5-11% diện tích mặt nước giao.

3. Giải pháp đối với cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi biển

- Tiếp tục nâng cấp và sử dụng các khu đã được qui hoạch tránh trú bão cho lồng bè nuôi cá và tàu cá.
- Khuyến khích, thu hút và đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống cá biển: Chủ động được nguồn giống tốt, sạch bệnh, đảm bảo chất lượng nhằm chủ động được sản xuất và nâng cao hiệu quả nuôi trồng.
- Thu hút và khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở chế biến cá biển, hàu tập trung hướng tới xuất khẩu: Việc này sẽ tập trung vào những sản phẩm mang tính chất đặc thù của địa phương, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và kiểm soát vấn đề chất lượng, tiến tới sản xuất các sản phẩm xuất khẩu chất lượng cao từ hàu (như tinh dầu hàu, dược phẩm và thực phẩm chức năng), các sản phẩm từ cá biển.
- Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ vùng nuôi như: Cảng đỗ tàu bè, giao thông luồng lạch nội vùng, biển báo giao thông nội vùng và biển định danh từng bè nuôi, khu vực nuôi của từng hộ gia đình.
- Đề hạn chế ảnh hưởng đến môi trường chung, ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường biển, kiểm soát dịch bệnh cần đầu tư xây dựng cơ sở bãi tập kết rác thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản và rác thải sinh hoạt.

4. Giải pháp về tổ chức hậu cần

4.1. Giống thủy sản

Giống thủy sản là yếu tố quan trọng và được ưu tiên hàng đầu trong nuôi biển.

Trong giai đoạn 2024 - 2025 hàng năm Cẩm Phả sẽ cần khoảng 771 triệu con giống nhuyễn thể và 5,3 triệu giống cá biển. Đến năm 2030 cần khoảng 857 triệu giống nhuyễn thể 6,2 triệu giống cá biển và đến năm 2045, cần khoảng 954 triệu giống nhuyễn thể và 7,7 triệu con giống cá biển. Trong những năm tới cần có những chương trình chọn giống và truy xuất nhuyễn thể và cá biển để nâng cao chất lượng giống và sản phẩm.

4.2. Thức ăn thủy sản

Cần xây dựng các chuỗi liên kết để có sự gắn kết giữa người nuôi cá và các công ty sản xuất thức ăn. Xây dựng từ 3 - 5 đại lý thức ăn cấp 1 tại thành phố cung cấp thức ăn công nghiệp cho cá biển.

4.3. Giải pháp cung ứng các vật liệu làm lồng, bè nuôi biển

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi các hệ thống lồng bè tre nứa sang hệ thống lồng bè hiện đại thân thiện với môi trường, sẽ hoàn thành 50% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030. Quá trình các doanh nghiệp, HTX thực hiện quá trình chuyển đổi sẽ được các dự án hỗ trợ.

4.4. Giải pháp xây dựng và phát triển các chuỗi

- Để nâng cao giá trị khai thác mặt nước cần phát triển các mô hình nuôi cá kết hợp với du lịch dịch vụ và hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị. Thành phố sẽ xây dựng 02 chuỗi liên kết lớn với các vùng nuôi của các huyện lân cận như Vân Đồn, Đầm Hà, Hải Hà, trong việc tiêu thụ sản phẩm.

- Chuỗi liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ cá biển (song, vược, cá chim vây vàng...) đến năm 2030 đạt 50% diện tích nuôi cá biển trong đó 100% diện tích nuôi cá biển quy mô công nghiệp tham gia chuỗi sản xuất. Sản lượng tham gia chuỗi đạt khoảng 1.500 tấn/năm, chiếm khoảng 30% sản lượng trong chuỗi sản xuất cá biển của tỉnh.

- Chuỗi liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ hào, diện tích tham gia liên kết chuỗi đạt 100 ha; sản lượng 20.000 tấn (chiếm 30% diện tích vùng sản xuất tập trung) trong tổng số diện tích vùng nuôi nhuyễn thể tập trung 300 ha; sản lượng đạt khoảng 10.000 tấn; Đến năm 2030, phân đầu diện tích, sản lượng liên kết chuỗi đạt khoảng 70% vùng sản xuất tập trung. Sản lượng chiếm khoảng 20% trong chuỗi sản xuất hào của tỉnh.

4.5. Giải pháp về thương mại, thị trường

- Liên kết và kết nối với các huyện, thành phố và địa phương khác trong tỉnh (như Móng Cái, Đầm Hà, Vân Đồn, Quảng Yên, Cô Tô) và các tỉnh thành khác trong cả nước trong việc thúc đẩy xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh, tiêu thụ sản phẩm địa phương.

- Phát triển các sản phẩm OCOP trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản của địa phương. Đồng thời, phát triển ngành chế biến theo hướng tăng các sản phẩm chế biến và các sản phẩm giá trị gia tăng, đặc biệt đối với các sản phẩm nhuyễn thể và các loài đặc sản của địa phương, như sản phẩm chế biến từ cá Chim vây vàng, cá song, sản phẩm từ hào....Các sản phẩm OCOP từ thủy sản sẽ chiếm khoảng 80% sản phẩm OCOP của thành phố.

- Khuyến khích và thúc đẩy các hình thức thương mại điện tử, bán hàng online, xây dựng trang web giới thiệu và bán sản phẩm của Cẩm Phả. Xây dựng gian hàng giới thiệu sản phẩm, tham gia các hội chợ trong nước và khu vực để giới thiệu sản phẩm của địa phương.

- Thúc đẩy sự phát triển ngành thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch, khách sạn nhà hàng, tạo sự liên kết ngang giữa phát triển nuôi trồng thủy sản và các ngành kinh tế khác trong đó có du lịch nhà hàng khách sạn và du lịch biển đảo, du lịch trải nghiệm.

- Tăng cường công tác đánh giá, dự báo tình hình thị trường thủy sản trong nước, nước ngoài (trọng điểm Trung Quốc và các nước trong khu vực) đối với các đối tượng nuôi chủ lực của địa phương như cá biển và nhuyễn thể.

4.6. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản. Xây dựng kế hoạch phối hợp với đoàn thể, các tổ chức xã hội thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân ở các địa phương nhận thức và tự giác chấp hành tốt các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường trong các hoạt động thủy sản; quản lý nghiêm ngặt về các điều kiện đảm bảo môi trường đối với hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy sản; đặc biệt là việc xử lý chất thải, nước thải, khí thải trong quá trình sản xuất kinh doanh, theo Luật môi trường.

- Chuyển đổi công nghệ nuôi truyền thống với vật liệu bè tre, gỗ, phao xốp sang công nghệ nuôi biển hiện đại với vật liệu làm lồng bè đạt chuẩn kỹ thuật địa phương về vật liệu sử dụng làm phao nổi trong nuôi trồng thủy sản lợi, mặn theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Đề tránh chất thải rắn phát tán ra môi trường, trong quá trình xử lý lồng, bè nuôi trái phép hay các hoạt động thay thế phao xốp, vật liệu làm giàn bè của người dân cần có phương án giám sát thu gom chất thải rắn tại nguồn.

- Có cơ chế chính sách nhằm khuyến khích thu hút các dự án đầu tư tái chế, tái sử dụng vỏ hào làm nguyên liệu phục cho nông nghiệp như: bột hào để xử lý môi trường, bổ sung vi khoáng cho NTTS, giá thể trồng cây, thức ăn cho gia súc gia cầm.

- Thành phố cần có quy hoạch vị trí chôn lấp xử lý chất thải rắn là vỏ hào nhằm

tránh tình trạng đổ thải vô hạn không đúng nơi quy định gây ô nhiễm môi trường.

- Đầu tư, nâng cấp các trạm quan trắc, cảnh báo môi trường tự động tại các vùng nuôi trên biển Thành phố Cẩm Phả. Hoặc xây dựng chương trình quan trắc và phối hợp với các đơn vị chuyên môn như Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản... thực hiện quan trắc đánh giá môi trường vùng nuôi định kỳ.

- Tuân thủ khuyến cáo về tỉ lệ % diện tích, mật độ và công nghệ nuôi. Đối với nuôi cá biển, ưu tiên đối tượng nuôi có khả năng ăn thức ăn công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời giảm chất thải phát sinh trong nuôi thủy sản trên biển.

- Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cũng như bảo vệ môi trường vùng nuôi cho các cán bộ quản lý, người nuôi trồng thủy sản.

- Kêu gọi các doanh nghiệp có kinh nghiệm có tiềm lực đầu tư nuôi công nghiệp bằng lồng bè hiện đại đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng khoa học kỹ thuật trong nuôi thương phẩm nhằm nâng cao sản lượng cũng như bảo vệ môi trường biển.

- Nghiên cứu hình thành hệ thống thu gom chất thải rắn trên biển và khu vực tập kết xử lý sơ bộ chất thải rắn (vỏ hào, vật liệu lồng bè hỏng...) trước khi vận chuyển đi xử lý tái chế, tái sử dụng, chôn lấp.

- Đề phòng chống dịch bệnh trong quá trình nuôi cần tuân thủ các khuyến cáo về % diện tích mặt nước nuôi, kỹ thuật nuôi và tuân thủ Luật Thủy ý 2015; Quy chuẩn QCVN 01-80:2011/BNNPTNT về cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - điều kiện vệ sinh thú y; Quy định đảm bảo vệ sinh môi trường lồng bè nuôi trồng thủy sản mặn lợ - Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định đảm bảo vệ sinh môi trường tàu cá và lồng bè nuôi trồng thủy sản mặn, lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Khi có thiên tai cần thực hiện phòng chống theo quyết định Số: 1248/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

4.7. Giải pháp phát triển doanh nghiệp/HTX nuôi biển

- Có chính sách thu hút doanh nghiệp, HTX, tổ chức đầu tư vào hoạt động nuôi biển (từ khâu sản xuất giống, sản xuất, dịch vụ hậu cần, chế biến tới khâu tiêu thụ): ưu tiên mặt nước biển, quỹ đất trên bờ, lãi suất và có những chính sách phát triển nuôi trồng hải sản xa bờ và những nơi đòi hỏi áp dụng công nghệ lồng bè nuôi tiên tiến, chịu được sóng to gió lớn.

- Vận động xã viên, hộ gia đình thành lập các hợp tác xã trong lĩnh vực nuôi biển: sản xuất giống, cung cấp dịch vụ, vật tư thiết bị nuôi biển, thu hoạch và chế biến.

- Quy hoạch các vùng biển để thu hút đầu tư đối với doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất giống và nuôi thương phẩm, nuôi biển kết hợp du lịch và trải nghiệm, nuôi biển kết hợp với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Khuyến khích và thúc đẩy sự liên kết hợp tác theo chiều ngang, chiều dọc để hình thành các chuỗi trong nuôi biển mà hạt nhân là các doanh nghiệp, HTX.

- Đẩy nhanh việc giao và cho thuê khu vực biển cho các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, xác định thời gian giao và cho thuê khu vực biển hợp lý và đúng pháp luật để thu hút đầu tư vào lĩnh vực nuôi biển.

III. NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguồn nhân lực

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về cán bộ quản lý, chuyên gia tại Cơ sở II Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và thủy sản; Trường Đại học Hạ Long, mở mới các mã ngành nghề kết hợp thủy sản và dịch vụ du lịch.

- Liên kết, kết nối các cơ sở đào tạo, Viện nghiên cứu, Trường đại học, Cao đẳng, Trung tâm giáo dục thường xuyên và các doanh nghiệp trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu của thị trường.

- Theo dự báo nhân lực tham gia lao động thủy sản của thành phố đến năm 2030 trên 1.500 lao động do đó số lượng cần qua đào tạo tối thiểu chiếm 50% và năm 2045 đạt 100%.

2. Kinh phí thực hiện Phương án

Tổng kinh phí huy động nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2023-2030, định hướng đến 2045, dự kiến: 63,7 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Tổng số vốn sự nghiệp, ngân sách nhà nước là: 20,3 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 31,9%. Nguồn vốn tập trung vào việc lắp phao, biển báo cảnh báo khu vực nuôi lồng bè và hàng hải; phục vụ công tác quản lý nhà nước về các hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển (tuần tra, kiểm soát); hỗ trợ lãi suất vay vốn lắp đặt lồng bè, máy móc thiết bị phục vụ nuôi biển; xây dựng hệ thống quan trắc môi trường; lập bản đồ, xây dựng cơ sở dữ liệu giao khu vực biển, quản lý nuôi biển (cấp mã vùng nuôi, quản lý trên ứng dụng điện thoại di động); hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi; hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch; phát triển nguồn nhân lực cho nuôi biển (đào tạo, tập huấn).

- Tổng số vốn từ cá nhân, tổ chức đầu tư là: 43,4 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 68,1%. Nguồn vốn tập trung vào việc đầu tư hiện đại hoá hệ thống lồng bè nuôi (chuyển đổi vật liệu, lồng bè); xây dựng hệ thống quan trắc môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu giao khu vực biển, quản lý nuôi biển (cấp mã vùng nuôi, quản lý trên ứng dụng điện thoại di động); xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi; hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện nội dung

Phương án; xây dựng kế hoạch và các giải pháp thực hiện nội dung Phương án đã được phê duyệt, đôn đốc, kiểm tra UBND các phường, xã thực hiện.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện nội dung Phương án theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn UBND các phường, xã thực hiện theo nội dung Phương án được phê duyệt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã chịu trách nhiệm cụ thể hóa nội dung Phương án, xây dựng kế hoạch hàng năm tại địa phương và tổ chức thực hiện Phương án đảm bảo hiệu quả. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các phường, các thành viên, hội viên của tổ chức mình và ngư dân tích cực tham gia phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển, sắp xếp và cơ cấu lại vùng nuôi tại thành phố Cẩm Phả nhằm hướng đến ngành nuôi biển trở thành một ngành sản xuất hàng hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao, hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; tạo ra sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường tại địa phương, trong nước và xuất khẩu; phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển gắn kết với sự phát triển với các ngành kinh tế khác (du lịch, dịch vụ, khách sạn nhà hàng, khai thác hải sản...) giải quyết một số các vấn đề xã hội như tạo việc làm cho người dân, cải thiện điều kiện kinh tế xã hội, nâng cao thu nhập và tạo sinh kế bền vững cho người dân ven biển và đồng thời góp phần tham gia bảo vệ an ninh, quốc phòng trên biển.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố; Trưởng các phòng: Kinh tế, Tài nguyên và Môi trường, Quản lý đô thị, Tài chính - Kế hoạch, Văn hóa và Thông tin; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã. Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- UBND tỉnh Quảng Ninh (báo cáo);
- Sở: NN và PTNT, TN và MT (báo cáo);
- TT. Thành ủy, HĐND TP (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các Ban Xây dựng Đảng Thành ủy;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Lê Hưng